

ÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

HÀ NỘI, THÁNG 3 NĂM 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin
Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100689 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 12/7/2016.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 04 38642793
- Số fax: 04 38642792
- Website: thanmienbac.vn
- Mã cổ phiếu: TMB

- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin là : Tổng công ty quản lý và phân phối than được thành lập theo quyết định số 1878/QĐ-TCCB ngày 19/ 12/ 1974 của Bộ Điện và than, làm nhiệm vụ quản lý Nhà nước về mặt hàng than và phân phối tiêu thụ than theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước cho các nhu cầu của nền kinh tế quốc dân.

Đến năm 1988, mặt hàng than không còn thuộc diện vật tư do Nhà nước phân phối mà chuyển sang phương thức kinh doanh theo cơ chế thị trường theo định hướng XHCN vì vậy Tổng công ty quản lý và phân phối than được đổi thành Công ty Kinh doanh và Chế biến than Việt nam.

Ngày 04/3/1995 Bộ Năng Lượng đã ra quyết định số 140/NL-TCCB-LĐ đổi tên Công ty kinh doanh và chế biến than Việt nam thuộc Bộ Năng lượng thành Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc trực thuộc Tổng công ty than Việt Nam kể từ ngày 01/4/1995.

Đến ngày 17/9/2003 Chính phủ đã có quyết định số 194/2003/QĐ-TTg chuyển



Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc thành Công ty TNHH một thành viên Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc thuộc Tổng công ty than Việt Nam nay là Tập đoàn công nghiệp than - Khoáng sản Việt nam.

Ngày 28/12/2005 Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 4234/QĐ-BCN về việc cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Chế biến và kinh doanh than Miền Bắc thành Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin.

Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 02/1/2007.

Tên gọi, địa chỉ của Công ty:

Tên gọi: Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin

Tên giao dịch quốc tế: : Northern Coal Trading Joint stock Company

Tên giao dịch quốc tế viết tắt: VNCT

Địa chỉ: Số 5 , Phố Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04 8642793 - Fax: 04 8642792

- Các sự kiện khác:

Ngày 29/12/2016 Công ty chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu TMB theo quyết định số 897/QĐ-SGDHN ngày 29/12/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu than các loại.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin là Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam(Tập đoàn TKV), là một mắt xích nằm trong dây chuyền sản xuất, chế biến và tiêu thụ than của Tập đoàn TKV.

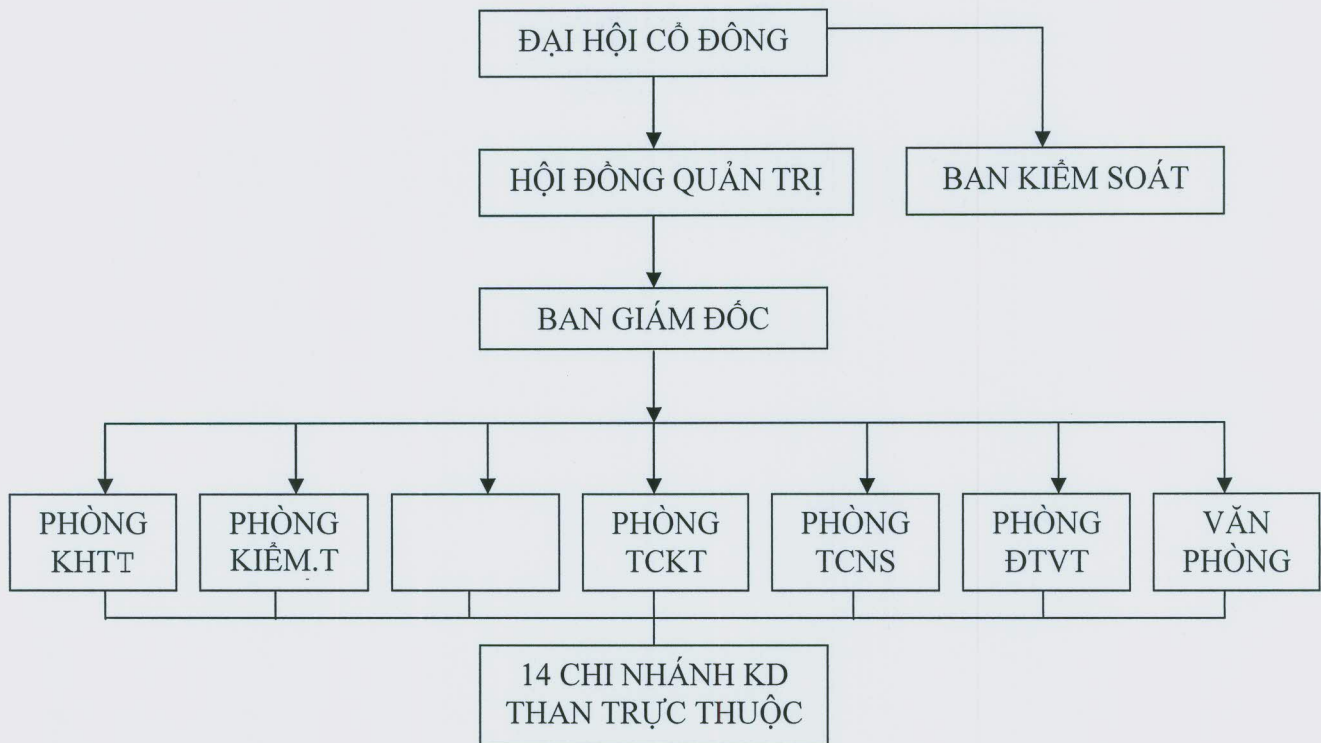
Hoạt động chủ yếu của Công ty là bán than tại địa bàn các tỉnh phía Bắc từ Hà Tĩnh trở ra.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Đại hội cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông được quy

định cụ thể trong Điều lệ của Công ty.



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

* Danh sách HĐQT hiện hành:

Vũ Văn Hà – Chủ tịch HĐQT

Đoàn Hữu Thung – Ủy viên, kiêm Tổng Giám đốc.

Phan Tiến Hải – ủy viên

Nguyễn Minh Hải – ủy viên

Vũ Hữu Long – ủy viên

* Danh sách Ban kiểm soát hiện hành:

Đặng Thị Hải Hà– Trưởng ban

Vũ Minh Chiến – ủy viên

Bùi Thị Phương Thảo– ủy viên

* Danh sách Ban Giám đốc hiện hành:

Đoàn Hữu Thung– Tổng Giám đốc

Phan Tiến Hải – Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hải – Phó Tổng Giám đốc

* Các phòng tham mưu:

Phòng Tổ chức nhân sự:

Phòng Đầu tư và vật tư:

Phòng Kế hoạch thị trường:

Phòng Tài chính kế toán:

Phòng Kiểm toán:

Văn phòng:

* Các chi nhánh kinh doanh than hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh gồm 14 đơn vị:

- Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin tại Quảng

Ninh:

Địa chỉ: 11 Lê Thánh Tông, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng ninh

- Công ty kinh doanh than Hải phòng

Địa chỉ: 39 đường Trần Phú, Thành phố Hải phòng.

- Công ty doanh than Hà nội

Địa chỉ: Số 5 Phan Đình Giót, Thanh xuân, Hà nội

- Công ty doanh than Bắc Lạng

Địa chỉ: Khu I Thị cầu, Thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc ninh

- Công ty kinh doanh than Bắc Thái

Địa chỉ: Phường Tân Long, Thành phố Thái nguyên

- Công ty kinh doanh than Vĩnh Phú

Địa chỉ: Phường Thanh Miếu, Thành phố Việt trì, tỉnh Phú thọ

- Công ty kinh doanh than Hà Nam Ninh

Địa chỉ: Phường Văn Miếu, Thành phố Nam Định

- Công ty kinh doanh than Thanh Hoá

Địa chỉ: Phường Ngọc trạo, Thành phố Thanh hoá

- Công ty kinh doanh than Nghệ tĩnh

Địa chỉ: 124 đường Trần Hưng đạo, Thành phố Vinh

- Công ty kinh doanh than Tây Bắc

Địa chỉ: Phường Hồng Hà, Thành phố Yên Bái

- Trạm kinh doanh than bùn Hòn gai

Địa chỉ: Phường Yết kiêu, thành phố Hạ long, tỉnh Quảng ninh.

- Công ty kinh doanh than Hà Nam

Địa chỉ: Xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Xí nghiệp kinh doanh than Cầu đống.

Địa chỉ: Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà nội



- Công ty kinh doanh than Ninh Bình

Địa chỉ: 70 Phố Ngọc Xuân, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình.

- Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có các công ty con và công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Tối đa lợi nhuận cho các cổ đông, bảo toàn và phát triển vốn cho các cổ đông; ổn định việc làm, nâng cao đời sống của người lao động góp phần ổn định trật tự xã hội.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tiếp tục đầu tư kho bãi, nguồn nhân lực và hệ thống quản trị nhằm xây dựng mạng lưới phân phối than rộng khắp Miền Bắc để trở thành kênh phân phối than lớn và có uy tín của Tập đoàn TKV.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Phải xây dựng được mối quan hệ gắn bó với các cơ quan chức năng và cộng đồng dân cư của địa phương, đồng hành cùng với địa phương trong quá trình phát triển và bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường):

- Nguồn than nhập khẩu và nguồn than trôi nổi có giá thấp hơn giá thị trường trong nước của TKV, tuy có sản lượng không ổn định, nhưng có xu hướng giá ngày rẻ sẽ chiếm lĩnh khách hàng của Công ty.

- Một số khách hàng sử dụng than có xu hướng dần chuyển sang sử dụng ga, khí đốt như sản xuất gạch, gạch.

- Một số kho bãi hiện tại gần khu dân cư, trong tương lai gần phải di chuyển ra xa các khu dân cư để tránh ô nhiễm bụi than.

- Do các kho bãi đa số gần sông, do đó có nguy cơ bị lũ lụt đe dọa.

- Vốn điều lệ thấp so với quy mô kinh doanh, do đó phải sử dụng vốn vay, dẫn đến tăng rủi ro về vốn.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.

Năm 2016, kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi nhưng chậm và còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Tình hình kinh tế nước ta diễn biến tích cực, lạm phát được kiểm soát, GDP tăng trưởng khá, các ngành sản xuất đều ổn định. Tình hình thị trường than diễn

biến rất phức tạp, giá bán than thế giới ở mức thấp nguồn cung nhiều; nhiều đơn vị sử dụng than lớn chuyển sang sử dụng than nhập khẩu ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch sản lượng của Tập đoàn và Công ty. TKV và Công ty đã phải điều chỉnh kế hoạch năm, nhất là TKV phải điều chỉnh giảm hơn 3 triệu tấn so với năm trước. Khối lượng than ký kết và nhập mua của khách hàng thấp so với nhu cầu do khách hàng mua than từ các nhà cung cấp than khác, nhất là các hộ sử dụng than lớn mua rất nhiều than từ nguồn than nhập khẩu. Than bán cho các hộ điện, đạm, xi măng của TKV đều giảm do nhiều nguyên nhân như: Một số nhà máy nhiệt điện dừng hoạt động; các hộ phân bón giảm sản lượng do sản xuất nông nghiệp suy giảm; nhiều hộ xi măng dừng lò lâu hơn dự kiến và chuyển sang sử dụng các nguồn than khác như than của các đơn vị thương mại, than nhập khẩu Vì vậy đã làm tăng khối lượng than tồn kho của TKV, xáo trộn cơ cấu sản phẩm và ảnh hưởng lớn đến công tác tổ chức sản xuất tại các đơn vị trong TKV, trong đó có Công ty CPKD than Miền Bắc.

Nhiều khách hàng của Công ty đã chuyển sang mua than từ các nhà cung cấp ngoài TKV với giá rẻ hơn, nhất là nguồn than nhập khẩu, nên sản lượng than tiêu thụ trực tiếp của các đơn vị trực thuộc suy giảm trong khi những hộ sử dụng than cục (nhất là cục xô, cục 4,5 khu vực Cẩm Phả) lại thiếu sản lượng do nguồn cung ít. TKV đã điều hành tiêu thụ để giảm than tồn kho đầu nguồn nên ảnh hưởng đến kế hoạch nhập than về chế biến, pha trộn để bán cho các hộ lớn của các đơn vị trực thuộc (Công ty KD than Bắc Lạng, Thanh Hóa), do đó làm tăng lượng than tồn kho, ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tài chính của đơn vị.

Trước những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty và các đơn vị trực thuộc đã tập trung triển khai kịp thời các chỉ đạo của TKV nên việc cung cấp than cho khách hàng vẫn được đảm bảo, các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2016 như đạt kế hoạch.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2016

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ (%) so với KH	Tỷ lệ (%) so với năm 2015



	Sản phẩm chủ yếu						
.1	Than mua	1000 Tấn	4.118	3.520	3.635	103%	88%
.2	Than bán	1000 Tấn	3.685	3.520	3.853	109%	105%
	- Bán các hộ lẻ	1000 Tấn	2.288	1.800	1.918	107%	83,8%
	- Bán cho các hộ lớn và TKV	1000 Tấn	1.397	1.720	1.935	113%	138,5%
	Than làm dịch vụ giao nhận	1000 Tấn	9.360	9.850	6.102	62%	65,19%
	Doanh thu	Tr. Đồng	6.062.073	4.933.150	6.459.726	131%	107%
	Giá trị sản xuất	Tr. Đồng	233.876	186.675	205.116	110%	88%
	Lợi nhuận	Tr. Đồng	16,532	7,500	7,539	101%	46%
	Tiền lương bình quân	Tr.đồng	8,0001	6,971	6,161	88%	77%
	Cổ tức(Năm 2016 vốn điều lệ tăng gấp đôi năm 2015)	%	10	5	5	100%	100%

* Nhận xét đánh giá chung thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Nhìn chung năm 2016 Công ty đều hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu, tuy nhiên so với năm 2015 nhiều chỉ tiêu bị giảm, nguyên nhân là do:

Năm 2016 thị trường than nội địa có nhiều biến động lớn, nguồn than nhập khẩu tràn vào thị trường nội địa ô ạt với giá rẻ hơn giá trong nước, làm cho sản lượng dịch vụ giao nhận than vào hộ lớn do TKV ký hợp đồng bị giảm, sản lượng than bán cho các hộ lẻ cũng bị giảm, làm cho giá trị sản xuất(Doanh thu trừ đi (-) chi phí biến đổi) giảm, do đó đã làm cho lợi nhuận và tiền lương giảm đi.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành(Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác:

Đoàn Hữu Thung , Tổng Giám đốc

Phan Tiến Hải, Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hải, Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Vinh, Trưởng phòng Tài chính Kế toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **ĐOÀN HỮU THUNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 08/05/1958
4. Nơi sinh: xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 151A Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
7. Chứng minh thư nhân dân số 100558655; Nơi cấp: CA Quảng Ninh; Ngày cấp: 08/05/2015.
8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0913.264557
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Kinh tế.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
1978 - 1980	Trạm than Mạo Khê - Công ty thu mua trung chuyển than Quảng Ninh	Công nhân
1980 - 1982	Trạm than Cửa Ông - Công ty cung ứng than Quảng Ninh	Công nhân
1982 - 2/1983	Trạm than Hòn Gai - Công ty cung ứng than Quảng Ninh	Phó trưởng trạm
3/1983 -	Ban Thương nghiệp phòng hậu cần	Bộ đội, Trung sỹ,

3/1986	Sư đoàn 242 Quảng Ninh	nhân viên
4/1986 - 7/1992	Trạm than Hòn Gai - Công ty cung ứng than Quảng Ninh	Phó trạm trưởng
8/1992 - 12/1995	Trạm than Hòn Gai Công ty cung ứng than Quảng Ninh	Trạm trưởng
1/1996 - 12/1999	Công ty Chế biến và kinh doanh than Quảng Ninh	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh
1/2000 - 7/2000	Công ty Chế biến và kinh doanh than Quảng Ninh	Phó giám đốc
8/2000 - 11/2007	Công ty Kinh doanh than Quảng Ninh	Giám đốc
12/2007- 3/2012	Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin	Tổng giám đốc, Ủy viên HĐQT
3/2012 - 7/2015	Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
7/2015 đến nay	Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin	Tổng giám đốc, Ủy viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 6.452 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,065 % Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **PHAN TIẾN HẢI**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 20/07/1959
4. Nơi sinh: Đội điều trị 5, Sơn Tây, Hà Nội.
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 32, Ngõ 1, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
7. Chứng minh thư nhân dân số 011009341; Nơi cấp: CA Hà Nội; Ngày cấp: 09/05/2011.
8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0913.216024
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế tài chính.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.
11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

Thời gian <i>(Từ tháng, năm đến tháng, năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1980-4/1983	D1 E826 quân khu Thủ đô và bộ chỉ huy quân sự Tỉnh An Giang	Bộ đội
8/1983-11/1993	Phòng Tài chính kế toán - Tổng Công ty cung ứng Than	Chuyên viên
12/1993-3/1995	Phòng Tài chính kế toán - Công ty Kinh doanh và chế biến than Việt Nam	Chuyên viên

4/1995- 4/1996	Phòng Tài chính kế toán - Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc	Phó trưởng phòng
5/1996- 10/1996	Phòng Tài chính kế toán Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc	Trưởng phòng
10/1996- 6/2000	Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc	Kế toán trưởng
7/2000- 12/2006	Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc	Phó giám đốc
01/2007- nay	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin	Phó Tổng giám đốc, ủy viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 5.972 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,06% Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN MINH HẢI**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 13/01/1972
4. Nơi sinh: Hải Phòng
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phòng 304, Ngõ 6A, Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
7. Chứng minh thư nhân dân số 013055437; Nơi cấp: CA Hà Nội; Ngày cấp: 19/03/2008.
8. Điện thoại liên hệ: 0913.283361
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý kinh tế, Cử nhân Tài chính kế toán.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.
11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1993- 9/1995	Làm việc tự do	
9/1995- 5/1999	Mỏ than Bảo Đài - Công ty than Uông Bí	Nhân viên kế toán, phó trưởng phòng kế toán.
5/1999- 5/2000	Phòng tài chính kế toán – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc	Nhân viên kế toán
5/2000- 6/2002	Phòng tài chính kế toán – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc	Phó trưởng phòng
7/2002- 12/2006	Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc	Kế toán trưởng
01/2007- 4/2016	Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin	Kế toán trưởng, ủy viên HĐQT



4/2016- nay	Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin	Phó tổng giám đốc, ủy viên HĐQT
----------------	---	------------------------------------

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 8.248 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,082 % Vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan:

+ Vợ: Ngô Thị Kim Dung: 5.072 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% Vốn điều lệ.

+ Em ruột: Nguyễn Thị Thu Hà: 956 cổ phần, chiếm 0,01% Vốn điều lệ.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thường thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

06
GT
PH
DPA
MIF
V
HAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC VINH**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 19/09/1987
4. Nơi sinh: Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 235 Mạc Thị Bưởi, Quang Trung, TP Nam Định, Nam Định.
7. Chứng minh thư nhân dân số 162861211; Nơi cấp: CA Nam Định; Ngày cấp: 02/07/2009.
8. Điện thoại liên hệ: 0915.246129
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Phòng Tài chính kế toán.
11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

Thời gian <i>(Từ tháng, năm đến tháng, năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/2009 - 9/2015	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Chuyên viên
9/2015 - 4/2016	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Phó trưởng phòng
4/2016 - 8/2016	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Phó trưởng phòng phụ trách
8/2016 đến nay	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Trưởng phòng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02 % Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không có.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

- Những thay đổi trong ban điều hành(Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):

+ Ngày 26/4/2016 ông Nguyễn Minh Hải, nguyên Kế toán trưởng được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty.

+ Ngày 26/4/2016 ông Nguyễn Đức Vinh, nguyên phó phòng Tài chính kế toán được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty.



- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty đã áp dụng Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương theo hướng dẫn của TKV trong toàn Công ty kể từ ngày 01/01/2016.

Thực hiện chỉ thị liên tịch số 51 CTLT/TG-CĐTKV ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam về việc tăng cường quản lý công tác tuyển dụng, sử dụng và tái cơ cấu lực lượng lao động. Công ty đăng ký tiết giảm lao động năm 2016 5% (so với lao động có mặt đến ngày 30/9/2015) nhưng đến hết năm 2016, toàn Công ty đã tiết giảm được 60 lao động, đạt gần 7% trong tổng số lao động hiện có. (số lao động giảm tính từ 30/9/2015 đến 31/12/2016)

Lao động có mặt đến ngày 30/9/2015: 890 người

Lao động đầu kỳ 01/01/2016: 875 người

Lao động cuối kỳ 31/12/2016: 830 người

Lao động đã tiết giảm so với 30/9/2015 : 60 người

Thu nhập tiền lương bình quân toàn Công ty 6.161/6.971 nghìn đồng, bằng 88% kế hoạch năm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết):

Kế hoạch đầu tư năm 2016 thực hiện theo QĐ/105/QĐ-HĐQT ngày 16/02/2016; Kế hoạch đầu tư điều chỉnh năm 2016 thực hiện theo Quyết định số 1129/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2016. Theo kế hoạch đầu tư điều chỉnh tổng giá trị đầu tư năm 2016 là 30.012 triệu đồng, 17 công trình trong đó 5 công trình chuyển tiếp, toàn bộ các hạng mục đầu tư thuộc nhóm C. Năm 2016 Công ty CPKD than Miền Bắc thực hiện đầu tư 16 công trình hoàn thành 14 công trình đưa vào sử dụng, 02 công trình chuyển tiếp sang năm 2017.

Công tác thực hiện KHĐT năm 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục đầu tư	Nguồn vốn theo KHĐT 2016		K HĐT năm 2016	Thực c hiện năm 2016	(%)
		ĐT PT	Vay thư ng mại			
	Kế hoạch điều chỉnh năm 2016	26.0 12	4.000	30. 012	19.1 68	6 3,49
	Công trình chuyển tiếp	9.07 2		9.0 72	7.90 8	8 7,16
	Công trình khởi công mới	16.9 40	4.000	20. 940	11.2 60	5 3,77

Tỷ lệ hoàn thành các công trình mới chỉ đạt 53,77% nguyên nhân do Công trình Cải tạo, sửa chữa văn phòng làm việc và sửa chữa hội trường, nhà ăn tập thể kết hợp làm kho và nhà để xe- Công ty KD than Tây Bắc kế hoạch đầu tư 3,7 tỷ Công ty chưa thực hiện và đã có công văn xin chuyển kế hoạch đầu tư sang năm 2017; công trình ĐT san lấp mặt bằng và XD nhà tạm, các hạng mục phụ trợ tại kho than Khánh Phú- Cty than Ninh Bình kế hoạch 2,4 tỷ đang thực hiện nhưng chưa hoàn thành hạng mục nào, chưa có biên bản nghiệm thu hạng mục nên Công ty chưa hạch toán đầu tư hạng mục này được chuyển tiếp sang năm 2017.

Công ty CP KD than Miền Bắc-Vinacomin thực hiện đầu tư năm 2016 dựa trên các cơ sở sau:

- Kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2016 của Hội đồng quản trị.
- Quyết định đầu tư của Công ty CP KD than Miền Bắc-Vinacomin cho từng công trình, hạng mục công trình.
- Mời thầu, thực hiện đầu tư do đơn vị trực thuộc hoặc phòng đầu tư Công ty CP KD than Miền Bắc-Vinacomin thực hiện.
- Hợp đồng kinh tế.
- Các hồ sơ, tài liệu do nhà thầu cung cấp như nhật ký công trình, bản vẽ hoàn công....
- Quyết toán công trình được kiểm toán độc lập phê duyệt.

Toàn bộ hồ sơ đầu tư của Công ty CP KD than Miền Bắc đều trên cơ sở văn bản pháp luật của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý tài chính, bảo vệ môi trường và Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin ban hành theo Quyết định số 222/QĐ-HĐQT ngày 10/4/2014 của Hội đồng quản trị Công ty.

b) Các công ty con, công ty liên kết(Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): Không có.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2015	Năm/Year 2016	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	1 870 394 660 668	1193 283 963 951	- 36,2%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	6 062 072 820 955	6 459 726 611 647	+ 6,6%
	17 25 808 077	10 52 050 988	-37,8%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	-593 272 440	-3 112 074 367	-424%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	16 532 535 637	7 539 976 621	-54,3%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	4 160 148 903	2 036 461 977	-51%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> (Năm 2016 tăng vốn thêm 100% từ 50 tỷ lên 100 tỷ, nên tỷ lệ 5% năm 2016 tương đương với 10% năm 2015) <i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>	10%	5%	100%
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu/ <i>Revenue</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2015	Năm/Year 2016	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> :			

Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	1,03	1,06	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> :			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <i>Short term Debt</i>	0,43	0,41	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,91	0,86	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	10,6	6,1	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> :			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	6,6	7,2	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	3,2	5,4	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,2%	0,09%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	7,6%	3,3%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,66%	0,46%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,28%	0,16%	
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions*

and non-bank financial institutions:

Chỉ tiêu/Figures	Năm/Year X-1	Năm/Year X	Ghi chú/Note
1. Quy mô vốn/ Capital scale			
- Vốn điều lệ/ Charter Capital			
- Tổng tài sản có/ Total assets			
- Tỷ lệ an toàn vốn/Capital adequacy ratio			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results			
- Doanh số huy động tiền gửi/ Cash deposits			
- Doanh số cho vay/Lendings			
- Doanh số thu nợ/Debt collection			
- Nợ quá hạn/ Outstanding debts			
- Nợ khó đòi/Bad debt			
- Hệ số sử dụng vốn/ Incremental Capital Output Ratio			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (Bad debt/Total debt Ratio)			
3. Khả năng thanh khoản/ Solvency			
- Khả năng thanh toán ngay/Short term solvency			
- Khả năng thanh toán chung/ General solvency			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng

cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần

- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders*).

- Cổ đông Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam: 67,44%

- Cổ đông cá nhân trong nước: 32,56%

- Cổ đông nước ngoài: Không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

- Tháng 6/2016 Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng, nguồn vốn tăng lấy từ quỹ đầu tư phát triển hình thành từ lợi nhuận sau thuế, phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông theo tỷ lệ 1:1.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

- Công ty hiện tại không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the*

C.T.
HAN
AC
MIN
IAN

number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.

- Công ty hiện tại không có các chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

- Công ty là đơn vị kinh doanh than trên địa bàn các tỉnh phía Bắc, các kho than hầu hết là nhỏ, có sức chứa trung bình 5.000 tấn, nằm rải rác chủ yếu gần các bến sông, xa khu dân cư nên tác động môi trường chủ yếu là bụi bay vào không khí không lớn.

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, số lượng người ở các chi nhánh tại các Tỉnh nhỏ hơn 90 người, nằm rải rác, nên tác động xã hội không lớn.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, không tiến hành sản xuất, sản phẩm không phải đóng gói.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Công ty không có nguyên vật liệu được tái chế.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, nên mức tiêu thụ năng lượng thấp, tổng mức điện tiêu thụ trong năm vào khoảng 1.100.000KW.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

- Công ty không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

- Công ty không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, nên lượng nước chủ yếu dùng cho sinh hoạt, tiêu thụ ít. Nguồn nước tiêu thụ chủ yếu là nước máy, lượng tiêu thụ trong năm khoảng



5.000m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Công ty không có.

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

- Không có.

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Số lao động 830 người.

- Tiền lương bình quân: 6.161000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Người lao động hàng năm được khám sức khỏe định kỳ một lần.

- Những lao động trực tiếp được trang bị bảo hộ lao động theo quy định của luật lao động.

- Người lao động được cấp đồng phục.

- Hàng năm người lao động được đi nghỉ mát, du lịch một lần.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Hàng năm Công ty cử lao động đi đào tạo nâng cao nghiệp vụ theo chương trình của Tập đoàn TKV tổ chức, mỗi năm trung bình khoảng 6 khóa, mỗi khóa 3 ngày, mỗi khóa cử đi 3 người.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Công ty chưa có chương trình này, người lao động tự học tập là chính.

6.6. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm



hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Các hoạt động này Công ty chưa có.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Các hoạt động này Công ty chưa có.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ *(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

Năm 2016, kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi nhưng chậm và còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Tình hình kinh tế nước ta diễn biến tích cực, lạm phát được kiểm soát, GDP tăng trưởng khá, các ngành sản xuất đều ổn định. Tình hình thị trường than diễn biến rất phức tạp, giá bán than thế giới ở mức thấp nguồn cung nhiều; nhiều đơn vị sử dụng than lớn chuyển sang sử dụng than nhập khẩu ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch sản lượng của Tập đoàn và Công ty. TKV và Công ty đã phải điều chỉnh kế hoạch năm, nhất là TKV phải điều chỉnh giảm hơn 3 triệu tấn so với năm trước. Khối lượng than ký kết và nhập mua của khách hàng thấp so với nhu cầu do khách hàng mua than từ các nhà cung cấp than khác, nhất là các hộ sử dụng than lớn mua rất nhiều than từ nguồn than nhập khẩu. Than bán cho các hộ điện, đạm, xi măng của TKV đều giảm do nhiều nguyên nhân như: Một số nhà máy nhiệt điện dừng hoạt động; các hộ phân bón giảm sản lượng do sản xuất nông nghiệp suy giảm; nhiều hộ xi măng dừng lò lâu hơn dự kiến và chuyển sang sử dụng các nguồn than khác như than của các đơn vị thương mại, than nhập khẩu

.... Vì vậy đã làm tăng khối lượng than tồn kho của TKV, xáo trộn cơ cấu sản phẩm và ảnh hưởng lớn đến công tác tổ chức sản xuất tại các đơn vị trong TKV, trong đó có Công ty CPKD than Miền Bắc.

Nhiều khách hàng của Công ty đã chuyển sang mua than từ các nhà cung cấp ngoài TKV với giá rẻ hơn, nhất là nguồn than nhập khẩu, nên sản lượng than tiêu thụ trực tiếp của các đơn vị trực thuộc suy giảm trong khi những hộ sử dụng than cục (nhất là cục xô, cục 4,5 khu vực Cẩm Phả) lại thiếu sản lượng do nguồn cung ít. TKV đã điều hành tiêu thụ để giảm than tồn kho đầu nguồn nên ảnh hưởng đến kế hoạch nhập than về chế biến, pha trộn để bán cho các hộ lớn của các đơn vị trực thuộc (Công ty KD than Bắc Lạng, Thanh Hóa), do đó làm tăng lượng than tồn kho, ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tài chính của đơn vị.

Trước những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty và các đơn vị trực thuộc đã tập trung triển khai kịp thời các chỉ đạo của TKV nên việc cung cấp than cho khách hàng vẫn được đảm bảo, các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2016 như đạt kế hoạch.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ % TH/KH
1	Sản lượng than mua	1.000 tấn	3.520,00	3.635,13	103
2	Sản lượng than bán	1.000 tấn	3.520,00	3.853,02	109
.1	- Bán trực tiếp	1.000 tấn	1.800,00	1.918,02	107
.2	- Bán hộ lớn và TKV	1.000 tấn	1.720,00	1.935,00	113
3	Dịch vụ hộ lớn	1.000 tấn	9.850.000	6.102.000	62
4	Doanh thu	Tỷ đồng	4.933,15	6.459,73	131
5	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	186,68	205,12	110
6	Lợi nhuận	Tỷ đồng	7,50	7,54	101
7	Cổ tức	%	5,00	5,00	100
8	Thu nhập bình quân	đ/ng/tháng	6.971.000	6.161.000	88

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

Về thực hiện các chỉ tiêu 12 tháng năm 2016, với sự chỉ đạo sát sao của tập thể ban lãnh đạo, sự cố gắng nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty, Công ty đã

hoàn các chỉ tiêu kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận hoàn thành theo kế hoạch điều chỉnh. Than mua 12 tháng 3.639 nghìn tấn đạt 103,39% so với kế hoạch năm, sản lượng than bán đạt 3.853 nghìn tấn bằng 109,46% kế hoạch năm, doanh thu đạt 128,09% kế hoạch năm, 130,95% kế hoạch điều chỉnh; GTSX đạt 133,34% kế hoạch năm, GTSX tính lương đạt 109,88% kế hoạch năm. Lợi nhuận đạt 7.540 triệu đồng đạt 100,53% kế hoạch điều chỉnh, thu nhập bình quân tiền lương trích vào chi phí sản xuất trong kỳ đạt 6.161 nghìn đồng/người/tháng. Hàng tồn kho giảm so với đầu năm 367.304 triệu đồng, các khoản phải thu ngắn hạn giảm 266.430 triệu đồng, nợ phải trả giảm 682.614 triệu đồng.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

Biến động về tài sản, nguồn vốn năm 2016:

T	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Tăng, giảm		Tỷ lệ % đầu kỳ so với cuối kỳ
					Số tiền	Tỷ lệ %	
<i>b</i>		<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=1-2</i>	<i>4=3/2</i>	<i>5=1/2</i>
	Tài sản ngắn hạn	100	1 091 864 178 453	1 772 485 164 056	-680 020 985 603	(38,40)	61,60
	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	12 377 598 486	14 688 105 686	- 2 310 507 200	(15,73)	84,27
	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			0		
	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	380 889 949 692	647 320 409 058	-266 430 459 366	(41,16)	58,84
	Hàng tồn kho	140	664 531 527 036	1 031 836 329 782	-367 304 802 746	(35,60)	64,40
	Tài sản ngắn hạn khác	150	34 065 103 239	78 640 319 530	-44 575 216 291	(56,68)	43,32
	Tài sản dài hạn	200	101 419 785 498	97 909 496 612	3 510 288 886	3,59	103,59
	Các khoản phải thu dài hạn	210			0		
	Tài sản cố định	220	95 941 700 992	84 750 074 259	11 191 626 733	13,21	113,21
	Tài sản cố định hữu hình	221	61 967 209 143	49 945 337 936	12 021 871 207	24,07	124,07
	Tài sản cố định thuê tài chính	224			0		
	Tài sản cố định vô hình	227	33 974 491 849	34 804 736 323	-830 244 474	(2,39)	97,61
	Bất động sản đầu tư	230			0		

TH
 BẮC
 COW
 QUẢN

Tài sản dở dang dài hạn	240	2 941 250 946	7 074 459 232	- 4 133 208 286	(58,42)	41,58
Đầu tư tài chính dài hạn	250			0		
Tài sản dài hạn khác	260	2 536 833 560	6 084 963 121	-3 548 129 561	(58,31)	41,69
Tổng cộng tài sản (270=100 + 200)	270	1 193 283 963 951	1 870 394 660 668	-677 110 696 717	(36,2)	63,80
				0		
Nợ phải trả	300	1 026 674 864 788	1 709 289 076 149	-682 614 211 361	(39,94)	60,06
Nợ ngắn hạn	310	1 026 674 864 788	1 709 289 076 149	-682 614 211 361	(39,94)	60,06
Nợ dài hạn	330			0		
Vốn chủ sở hữu	400	166 609 099 163	161 105 584 519	5 503 514 644	3,42	103,42
Vốn chủ sở hữu	410	166 609 099 163	161 105 584 519	5 503 514 644	3,42	103,42
Vốn góp của chủ sở hữu	411	100 000 000 000	50 000 000 000	50 000 000 000	100,00	200,00
Vốn khác của chủ sở hữu	414	44 865 148 802	76 365 341 026	-31 500 192 224	(41,25)	58,75
Quỹ đầu tư phát triển	418	16 240 435 717	34 740 243 493	- 18 499 807 776	(53,25)	46,75
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			0		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			0		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5 503 514 644		5 503 514 644		
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	5 503 514 644		5 503 514 644		
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			0		
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-			
Nguồn kinh phí	431			0		
Nguồn kinh phí đã hình thành thành TSCĐ	432			0		
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440	1 193 283 963 951	1 870 394 660 668	-677 110 696 717	(36,20)	63,80

Những biến động lớn: Hàng tồn kho giảm so với đầu năm 367.304 triệu đồng, các khoản phải thu ngắn hạn giảm 266.430 triệu đồng, nợ phải trả giảm 682.614 triệu đồng; Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã tập trung làm tốt việc rút giảm hàng tồn kho, thu hồi công nợ để trả nợ.

Khả năng thanh toán và hiệu quả sử dụng vốn:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2015	Năm/Year 2016	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh			

<p><i>toán/ Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio:</i></p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio:</i></p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <u><i>Short term Debt</i></u></p>	1,03	1,06	
<p>2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>	0,91 10,6	0,86 6,1	
<p>3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i></p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)</p>	6,6 3,2	7,2 5,4	
<p>4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần</p>	0,2% 7,6% 0,66% 0,28%	0,09% 3,3% 0,46% 0,16%	

(Operating profit/ Net revenue Ratio)			
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit

b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ Current debts, major changes of debts.

Theo bảng biến động tài sản thì nợ phải trả giảm 682.614 triệu đồng; Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã tập trung làm tốt việc rút giảm hàng tồn kho, thu hồi công nợ để trả nợ.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.

Công ty không có nợ phải trả xấu, không có chênh lệch tỷ giá và chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

Trong năm Công ty đổi mới về chính sách sản phẩm: Kinh doanh không phải là gì bán lấy, mà coi than mua từ Tập đoàn TKV mới chỉ là sản phẩm thô, còn sản phẩm bán cho khách hàng phải là sản phẩm "tinh", đặc thù đã trải qua quá trình chế biến lại, đảm bảo tiết kiệm, an toàn, hiệu quả và phù hợp với công nghệ của từng khách hàng.

Do đó Công ty đã tập trung sáng kiến các phương pháp chế biến để tạo ra những sản phẩm đặc thù cho từng khách hàng để đảm bảo khách hàng sử dụng tiết kiệm than hơn, giá thành rẻ hơn, đồng thời hiệu quả trên 1 tấn than bán ra của Công ty cũng được tăng lên, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả SXKD.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future:

Sở hữu một kênh phân phối, một mạng mạng lưới các kho than bám sát khách hàng là một tài sản sinh lời quan trọng bậc nhất của Công ty. Mạng lưới này cho phép Công ty đáp ứng nhu cầu than kịp thời mọi lúc, mọi nơi cho khách hàng, làm cho khách hàng cảm thấy mạng lưới này như chính là kho than dự trữ thường xuyên của mình.

Do đó trong những năm tiếp theo Công ty phải tập trung tái cơ cấu mạng lưới bán than như sau:

- Tập trung đầu tư và hợp tác đầu tư mở rộng mạng lưới các kho than để bám sát khách hàng, đặc biệt là các khách hàng trọng điểm.

- Mua lại các kho than trọng điểm đang đi thuê và hợp tác đầu tư lâu dài với chủ các kho than để đảm bảo tính ổn định lâu dài về địa điểm bán than trong tương lai.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

- Báo cáo Tài chính của Công ty đã được Kiểm toán chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).

- Công ty là đơn vị kinh doanh nên mức tiêu thụ năng lượng, nước, phát thải rất thấp như đã báo ở trên, vì vậy mức tác động đến các chỉ tiêu môi trường là gần như không đáng kể.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers

- Công ty đã thực tốt mọi chế độ đối với người lao động, tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về lao động, trong năm chưa có khiếu nại nào của người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ Review concerning corporate responsibility towards the local community

- Mức độ đóng góp của doanh nghiệp đến địa phương còn hạn chế, chủ yếu mới dừng lại ở các khoản đóng góp nhỏ dưới 10 triệu đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

- Năm 2016, nền kinh tế thế giới tiềm ẩn nhiều rủi ro, kinh tế trong nước còn khó khăn, sản xuất và kinh doanh than gặp nhiều thách thức. Nhận thức được những khó khăn và chủ động phát huy những thuận lợi, HĐQT Công ty đã tập trung quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc tập trung vào các lĩnh vực quan trọng, khai thác mọi nguồn lực, đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch đề ra. Vì vậy, tình hình SXKD, tiêu thụ than của Công ty vẫn giữ được thế ổn định, các chỉ tiêu chính đạt kế hoạch đề ra.

- Kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2016 cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	TH/KH (%)
	Sản lượng mua	tấn	3.520.000	3.635.125	103
	Sản lượng bán	tấn	3.520.000	3.853.024	109
	Dịch vụ hộ lớn	tấn	9.850.000	6.102.000	62

Doanh thu	tỷ đồng	4.933,15	6.459,73	131
Giá trị sản xuất	tỷ đồng	186,68	205,12	110
Lợi nhuận	tỷ đồng	7,50	7,54	101
Thu nhập bình quân	đ/ng/tháng	6.971.000	6.161.000	88
Đầu tư XDCB	tỷ đồng	26,312	19,168	73
Cổ tức	%	5	5	100

* Tình hình tài chính của Công ty:

Tình hình tài chính của Công ty nói chung lành mạnh, cụ thể:

- Tổng số vốn chủ sở hữu cuối năm: 161,256 tỷ đồng, bằng 1,61 % vốn điều lệ.
- Hệ số bảo toàn và phát triển vốn của Công ty năm 2016 thực hiện 1,001 lần so với cùng kỳ năm 2015. Hệ số >1, cho thấy Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ: 7,5%.

* Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản:

Giá trị thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB năm 2016 là 19,168 tỷ đồng, đạt 73% kế hoạch, vì một số dự án chưa hoàn thành và quyết toán trong năm 2016.

Các dự án dở dang và chưa triển khai được, Công ty đã có báo cáo TKV và được chấp thuận tiếp tục tổ chức thực hiện trong năm 2017.

* Đánh giá kết quả SXKD của Công ty năm 2016:

Năm qua, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chính (sản lượng, doanh thu, giá trị sản xuất; các chỉ tiêu lợi nhuận và thu nhập bình quân phải điều chỉnh). Đạt được kết quả trên là do Công ty đã nhận thức được khó khăn, biết chủ động khai thác những thế mạnh, phát huy tính tích cực, năng động trong kinh doanh và truyền thống của đơn vị, điều hành tiêu thụ hợp lý, hiệu quả, nhất là thực hiện hiệu quả công tác chế biến than.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Qua quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy Ban giám đốc triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện kế hoạch SXKD phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và yêu cầu của HĐQT. Tổng giám đốc và bộ máy quản lý đã góp phần đáng kể vào kết quả kinh doanh đạt kế hoạch của Công ty năm 2016.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2017. Đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định; chỉ đạo triển khai thực hiện đúng và đầy

đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động của Công ty và các đơn vị trực thuộc, nhằm đảm bảo SXKD của Công ty an toàn có hiệu quả, chánh rủi ro, bảo toàn và phát triển vốn.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch; bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

Danh sách Hội đồng quản trị:

Vũ Văn Hà – Chủ tịch HĐQT, người đại diện vốn của Tập đoàn TKV tại Công ty, số cổ phần đại diện: 6.744.000 cổ phần, chiếm 67,44%.

Đoàn Hữu Thung – Ủy viên, kiêm Tổng Giám đốc, số cổ phần sở hữu 6.452 cổ phần, chiếm 0,065%.

Phan Tiến Hải – ủy viên, kiêm phó Tổng Giám đốc, số cổ phần sở hữu 5.972 cổ phần, chiếm 0,06%

Nguyễn Minh Hải – ủy viên, kiêm phó Tổng Giám đốc, số cổ phần sở hữu 8.248 cổ phần, chiếm 0,082%.

Vũ Hữu Long – ủy viên, kiêm trưởng phòng kế hoạch thị trường, số cổ phần sở hữu 10.000 cổ phần, chiếm 0,1%.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

- Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo tập thể tất cả các hoạt động, không phân chia thành các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Hội đồng quản trị(HĐQT) đã tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất nên đã tạo ra sự ổn định, đồng bộ trong SXKD, phù hợp với thực tiễn.

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp để thông qua các vấn đề cơ bản, định hướng cho hoạt động của Công ty, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh. Năm 2016 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 28 cuộc họp và đưa ra nghị quyết để thông qua các vấn đề cơ bản, định hướng cho hoạt động của Công ty, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh:

- Đã họp và thông qua 03 văn bản liên quan đến Tổ chức SXKD, tài chính: chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016; thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty; thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- Thông qua 11 nội dung về công tác đầu tư năm 2016: phê duyệt, điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016 của Công ty CPKD than Miền Bắc; phê duyệt các dự án đầu tư, kế hoạch đấu thầu dự án, mua sắm năm 2016. Ban hành quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Công ty.

- Thông qua 10 nội dung về công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương: chủ trương bổ nhiệm các cán bộ chủ chốt và hợp nhất phòng Tổ chức nhân sự; xếp lương Trưởng Ban kiểm soát Công ty; thông qua áp dụng và chuyển xếp lương theo Hệ thống thang, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của TKV từ ngày 01/01/2016; Công tác cán bộ, công tác quy hoạch cán bộ kế cận. Thông qua định biên lao động trong Công ty. Chuyển xếp lương đối với viên chức quản lý và Trưởng ban kiểm soát.

- Thông qua 04 nội dung khác liên quan đến các thành viên HĐQT Công ty theo yêu cầu của Luật doanh nghiệp và TKV.

Công ty đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2016. Đại hội thông qua các nội dung quan trọng về SXKD năm 2015 và kế hoạch năm 2016; thông qua báo cáo tài chính và các chỉ tiêu tài chính năm qua; thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung của Công ty; thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty lên 100 tỷ đồng và cổ phiếu của Công ty sẽ đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Các cuộc họp của HĐQT, Ban Kiểm soát đã được tham dự.

Hoạt động của HĐQT và Ban điều hành kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, của Ban điều hành luôn tác động thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

Ban tổng giám đốc triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, kịp thời thông tin và điều chỉnh thực hiện kế hoạch SXKD phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường đã góp phần đáng kể vào kết quả kinh doanh đạt kế hoạch của Công ty năm 2016. Công ty đã hướng dẫn, chỉ tạo các đơn vị trực thuộc thực

C.T.Ư
HẠN
AC
UMIN
JAN - T

hiện đúng đầy đủ các quy định của TKV về ký hợp đồng, viết hóa đơn, công tác dịch vụ hộ lớn, công tác tài chính kế toán.

Công ty đã thực hiện việc kiện toàn tổ chức một số chức danh cán bộ chủ chốt trong Công ty và tổ chức lại một số phòng chuyên môn theo đúng chủ trương của TKV về tái cấu trúc quản trị nội bộ. Thực hiện chủ trương tiết giảm lao động theo chỉ đạo của TKV Công ty đăng ký tiết giảm lao động 5% nhưng đến hết năm 2016 toàn Công ty đã tiết giảm được 60 lao động, đạt gần 7% trong số tổng lao động hiện có.

Công ty đã từng bước hoàn thiện được các quy chế, quy định các mặt quản lý của Công ty.

Công ty đã duy trì tốt công tác an toàn lao động, triển khai áp dụng đúng quy định các biện pháp an toàn, bảo hộ lao động.

**DANH MỤC VĂN BẢN
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CPKD THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN
(Năm 2016)**

tt	Nội dung	Ngày họp	Ghi chú
	Tổ chức SXKD, tài chính		
	Chuẩn bị Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2016	04/4/2016	
	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty	17/5/2016	
	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	28/6/2016	
I	Đầu tư, xây dựng		
	Phê duyệt Điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016 của Công ty CPKD than Miền Bắc	15/02/2016	
	Phê duyệt Điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016 của Công ty CPKD than Miền Bắc	05/5/2016	
	Thông qua chủ trương để Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin đầu tư Dự án kho bãi và cảng bốc xếp hàng hóa tại Khu kinh tế Nghi Sơn – Thanh Hóa	12/5/2016	
	Phê duyệt Báo cáo KTKT, kế hoạch đấu thầu Dự án “Xe ô tô tải – Công ty KD than Thanh Hóa”	03/6/2016	



	Phê duyệt bổ sung Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016 của Công ty CPKD than Miền Bắc	13/6/2016	
	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, kế hoạch đấu thầu (điều chỉnh lần 2) dự án Đầu tư xây dựng bến cảng xuất nhập khẩu hàng hóa và bãi tập kết than mỏ	14/7/2016	
0	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, kế hoạch đấu thầu dự án Đầu tư xây dựng bến cảng xuất nhập khẩu hàng hóa và bãi tập kết than mỏ (giai đoạn 2: Nạo vét và kè bảo vệ bờ)	15/7/2016	
1	Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016 của Công ty	08/11/2016	
2	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, kế hoạch đấu thầu dự án Đầu tư san lấp mặt bằng và xây dựng nhà tạm, các hạng mục phụ trợ tại kho than Khánh Phú – Công ty KD than Ninh Bình	21/11/2016	
3	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, kế hoạch đấu thầu (điều chỉnh lần 1) dự án Đầu tư xây dựng bến cảng xuất nhập hàng hóa và bãi tập kết than mỏ (Giai đoạn 2: Khảo sát thiết kế, san lấp mặt bằng và bến cảng số 2)	12/12/2016	
4	Ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Công ty	19/12/2016	
II	Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương		
5	Chủ trương bổ nhiệm các các bộ chủ chốt và họp nhất phòng Tổ chức nhân sự	28/3/2016	
6	Xếp lương Trưởng Ban kiểm soát Công ty	26/4/2016	
7	Thông qua áp dụng và chuyển xếp lương theo Hệ thống thang, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của TKV từ ngày 01-01-2016	09/5/2016	
8	Phê duyệt Phương án hỗ trợ người lao động nghỉ hưu trước tuổi do cơ cấu lại lực lượng lao động năm 2016	16/8/2016	
9	Đồng ý cho ông Đinh Trọng Thảo thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty KD than Bắc Thái để nghỉ hưu trước tuổi	17/8/2016	



0	Đồng ý bổ nhiệm ông Lê Hùng Cường giữ chức vụ Giám đốc Công ty KD than Bắc Thái	17/8/2016	
1	Chuyển xếp lương đối với Viên chức quản lý và Trưởng Ban kiểm soát Công ty	15/9/2016	
2	Phê duyệt bổ sung Danh sách cán bộ quy hoạch kế cận các chức danh Kế toán trưởng Công ty, Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh và Phó Giám đốc Xí nghiệp KD than Cầu Đuống giai đoạn 2016-2020	27/9/2016	
V	Lĩnh vực khác		
3	Đổi tên Trạm KD than Hà Nam thành Công ty KD than Hà Nam, xếp hạng doanh nghiệp và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Công ty KD than Hà Nam	18/01/2016	
4	Đồng ý cho ông Đoàn Hữu Thung – TGD Công ty đi du lịch tại Nga	12/4/2016	
5	Thông nhất để ông Nguyễn Minh Hải đi thăm người thân tại Mỹ	16/5/2016	

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

- Công ty chưa phân thành các tiểu ban.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

- Công ty chưa có.

2. Ban Kiểm soát/ *Board of Supervisors*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

* Danh sách Ban kiểm soát hiện hành:

Đặng Thị Hải Hà– Trưởng ban, số cổ phần sở hữu 7.944 cổ phần, chiếm 0,079%.

Vũ Minh Chiến – uỷ viên, số cổ phần sở hữu 476 cổ phần, chiếm 0,005%.

Bùi Thị Phương Thảo– uỷ viên, số cổ phần sở hữu 800 cổ phần, chiếm 0,008%.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

Hoạt động của Ban kiểm soát căn cứ vào kế hoạch năm để triển khai, Ban kiểm soát đã làm việc tại văn phòng Công ty và các chi nhánh trực thuộc.

Hàng tháng Ban làm việc tại Công ty: CP KD than Miền Bắc về các vấn đề như công nợ, lao động tiền lương, giám sát công tác tài chính kế toán. Hàng Quý, năm ban kiểm soát thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính tại đơn vị, lập biên bản kiểm tra giám sát hoạt động của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành về các mặt như văn bản quy chế quy định, thực hiện kế hoạch, công tác tài chính kế toán, tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh kiểm tra, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hàng Quý ban kiểm soát lập báo cáo hoạt động kiểm soát , báo cáo giám sát tại đơn vị gửi Tập đoàn TKV đúng nội dung yêu cầu và đảm bảo thời gian nộp báo cáo.

Ngoài ra ban kiểm soát đã làm việc tại các đơn vị trực thuộc. Các cuộc kiểm tra giám sát, tập trung vào các nội dung như:

+ Xem xét báo cáo tài chính và kiểm tra phân phối thu nhập, công nợ phải thu, các khoản chi tiêu tài chính, thực hiện kế hoạch ĐTXD, thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, tình hình huy động và sử dụng vốn...của Công ty;

+ Kiểm tra công tác chế biến than, ký kết hợp đồng và việc thực hiện hợp đồng , quản lý theo dõi GGT nhận than.

+ Kiểm tra việc xây dựng và thực hiện các qui chế, qui định của Công ty tại các đơn vị trực thuộc;

+ Kiểm tra công tác tuyển dụng, quản lý lao động, thực hiện quy chế tiền lương, giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động;

+ Kiểm tra việc chấp hành quy chế quản lý ĐTXD, kiểm soát chi phí và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

Từ đó Ban đã đưa ra những kiến nghị cụ thể đối với Công ty, đơn vị trực thuộc.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/*Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên

Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently).*

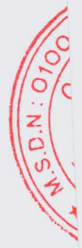
||
H.T.
N.B.
H.X.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

**BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC CỦA VCQL CÔNG TY
NĂM 2016**

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	LƯƠNG 2015 chuyển sang	LƯƠNG 2016	ĂN CA	THÙ LAO HDQT	PHỤ CẤP ĐĂNG	PHỤ CẤP ĐOÀN	THÙ LAO BAN TTRA	TKV THƯỜNG	TMB THƯỜNG	TH- UỐNG VCQL	THU- ÔNG KHÁC	TỔNG
1	Đoàn Hữu Thung	Tổng Giám Đốc-Chuyên trách/ủy Viên HDQT	60.680.000	237.120.000	6.500.000	52.560.000	4.266.000			16.500.000	2.000.000	33.870.007	8.000.000	421.496.007
2	Phan Tiến Hải	Phó Tổng GD-Chuyên trách/ủy viên HDQT	52.560.000	210.240.000	6.500.000	52.560.000	4.266.000			5.000.000	2.000.000	29.337.633	7.000.000	369.463.633
3	Đặng Thị Hải Hà	Trưởng Ban Kiểm Soát- chuyên trách (từ 26/4/2016 đến nay)		140.160.000	3.926.000		2.886.000			6.100.000				153.072.000
4	Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng GD-Chuyên trách/ủy viên HDQT	48.000.000	204.160.000	6.500.000	52.560.000	4.266.000			15.000.000	2.000.000	26.792.360	4.000.000	363.278.360
	Tổng		161.240.000	791.680.000	23.426.000	157.680.000	15.684.000	-	-	42.600.000	6.000.000	90.000.000	19.000.000	1.307.310.000
5	Đặng Thị Hải Hà	Thành viên BKS-Kiểm nhiệm (từ 1/1/2016 đến 26/4/2016)		72.786.657	2.574.000	19.504.000	1.380.000			100.000	15.000.000		3.673.000	115.017.657
6	Đỗ Nguyễn Trung	Ban Kiểm Soát-Kiểm nhiệm		212.180.135	6.318.000	16.000.000				200.000	30.000.000		1.000.000	365.698.135
7	Vũ Hữu Long	ủy Viên HDQT-Kiểm nhiệm		214.187.436	6.396.000	52.560.000		2.133.000		8.500.000	90.000.000		1.000.000	374.776.436

8	Hà Đức Hoàn	Thư ký Công ty-Kiểm nhiệm		186.158.721	6.422.000	48.000.000			4.266.000	1.750.000	19.200.000		1.000.000	266.796.721
9	Vũ Minh Chiến	Thành viên BKS-Kiểm nhiệm (từ 26/4/2016 đến nay)				32.800.000					10.000.000			42.800.000
10	Bùi Thị Phương Thảo	Thành viên BKS-Kiểm nhiệm (từ 26/4/2016 đến tháng 8/2016)				16.800.000								16.800.000
11	Vũ Văn Hà	Chủ tịch HĐQT -Kiểm nhiệm				61.680.000					1.000.000			62.680.000
12	Hoàng Văn Kiệt	Trưởng Ban Kiểm Soát -Kiểm nhiệm (từ 1/1/2016 đến 26/4/2016)				17.520.000					1.000.000			18.520.000
	Tổng		161.240.000	1.476.992.949	45.136.000	422.544.000	17.064.000	2.133.000	4.266.000	53.150.000	172.200.000	90.000.000	25.673.000	2.470.398.949



b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders:* (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

- Công ty không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders:* (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

- Công ty không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance:* (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

- Hầu hết các quy định về quản trị Công ty tại thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh, tuy nhiên còn một số nội dung chưa thực hiện được:

+ Chưa thành lập các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

+ Chưa tham gia các lớp đào tạo về quản trị Công ty cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam và được chấp nhận toàn phần, cụ thể ý kiến của kiểm toán viên như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp”.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động